TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Thực
Bà Trần Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/10/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hương G, sinh năm 1995
Cư trú tại: Khu 02, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Anh Đào Quang H, sinh năm 1994
Cư trú tại: Thôn 03, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Ông Đào Hồng V
2. Bà Nguyễn Thị M
Cư trú tại: Thôn 03, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
3. Anh Đặng Chí L
Cư trú tại: Khu 02, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Chị Giang có mặt, anh H, ông V, bà M, anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Hương G trình bày: Chị và anh Đào Quang H kết hôn năm 2014 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình nhà anh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không chỉn chu làm ăn, bán trác hết tài sản trong gia đình. Từ tháng 11/2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã M, huyện Đ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không có trách nhiệm với nhau. Đến nay chị xác định mâu thuẫn

vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Đào Quang H xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh không chịu khó làm ăn. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Giang xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Chị G và anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Duy L, sinh ngày 08/6/2015, hiện đang ở với chị G. Sau khi ly hôn chị G và anh H đều đề nghị được nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị G và anh H đều xác định không có.

- Về vay nợ: Trong quá trình giải quyết anh G xác định vợ chồng còn nợ của anh Đặng Chí L trú tại thôn 02, xã M, huyện Đ 14.700.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), nợ bà Nguyễn Thị M trú tại thôn 03, xã B, huyện Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và nợ ông Đào Hồng V trú tại thôn 03, xã B, huyện Đ 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Sau khi ly hôn anh đề nghị vợ chồng cùng có trách nhiệm trả. Chị Lê Thị Hương G không thừa nhận số nợ này.

Ông Đào Hồng V và anh Đặng Chí L xác định khoản nợ trên là nợ riêng của anh H, để hai bên tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn giữa chị G và anh H.

Bà Nguyễn Thị M xác định khoản nợ trên là do bà Vũ Thị K (Mẹ đẻ anh H) vay, không liên quan đến vợ chồng anh H nên bà cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giang.

- Về con chung: Giao cháu Đào Duy L, sinh ngày 08/6/2015 cho chị Lê Thị Hương G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị G và anh H xác định không có nên không phải giải quyết.

- Về vay nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H yêu cầu vợ chồng có nghĩa vụ trả nợ nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí, những người cho vay nợ đều xác định số nợ anh H khai không liên quan đến việc ly hôn giữa chị G và anh H và cũng đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hương G và anh Đào Quang H kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có

đăng ký tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chỉn chu làm ăn, bán trác tài sản trong gia đình và nợ nần nhiều người. Từ tháng 11/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau nữa. Chính quyền địa phương xã B cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh H đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[2].Về con chung: Chị G và anh H có 01 con chung là cháu Đào Duy L, sinh ngày 08/6/2015, hiện đang ở với chị G. Trong quá trình giải quyết anh H cũng có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, sau đó anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt. Chị G có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao cháu L cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh Huy phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3].Về tài sản chung, công sức đóng góp: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về vay nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H làm đơn yêu cầu giải quyết việc trả nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên anh H không nộp tiền tạm ứng án phí và cũng không có mặt để cung cấp tài liệu chứng cứ việc vay nợ theo quy định. Quá trình xác minh, những người cho vay nợ đều xác định số tiền anh H nợ không liên quan đến việc ly hôn của chị G, thỏa thuận để hai bên tự giải quyết và đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này những người này có đơn đề nghị thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6]. Bị đơn là anh Đào Quang H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hương G và anh Đào Quang H.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Duy L, sinh ngày 08/6/2015 cho chị Lê Thị Hương G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đào Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị G. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có.

4. Về vay nợ: Không phải giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Hương G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị G phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0002758 ngày 10/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Vũ Thường